| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM BÌNH**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 7 – 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: ấp MP3, xã MTT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

Nơi ở hiện nay: ấp PH1, xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt)

Trú tại: ấp MP3, xã MTT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến L trình bày:

Chị L và T sống chung vào năm 2007 hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu

Giang. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019 đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng sống chung không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về công việc, khi chị L đi làm về trễ thì anh T la. Nay chị L không còn tỉnh cảm với anh T nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị L và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008, Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/01/2018. Hiện nay, cháu T1 và cháu P đang sống chung với anh T, còn cháu Đ do chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T; yêu cầu được nuôi 03 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Phía bị đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất ý kiến chị L trình bày, nhưng về thời gian ly thân thì anh T cho rằng vợ chồng không có ly thân vì vào khoảng tháng 4/2019 thì chị L tự về nhà mẹ ruột sống không có nói ly thân, anh T có đến rước vợ về nhưng chị L không chịu về.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T trong lúc nóng giận có nói lớn tiếng với chị L do chị L đi làm về trễ, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung anh T và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008, Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/01/2018 hiện nay cháu T1, cháu P đang sống chung với anh T, còn cháu Đ đang sống với chị L.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay T không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ vì anh vẫn còn thương vợ và các con hiện nay còn nhỏ. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Phía nguyên đơn là chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/01/2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008 và cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 cho anh T nuôi dưỡng; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

+ Phía bị đơn là anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho các con, yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 người con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước Hưng cấp ngày 28/02/2011, cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh T sống chung được hơn 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải nên chị L và anh T đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân L và anh T không quan tâm, liên lạc với nhau và không tự đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm L cho rằng không còn tình cảm và cương quyết xin được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào thuyết phục chị L để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị L và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008, cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/01/2018, hiện cháu T1 và cháu P do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Đ do chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/01/2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008 và cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 cho anh T nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được nuôi 03 người con chung là cháu T1, cháu P và cháu Đ, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc chị L đồng ý giao hai người con chung là cháu T1 và cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự tự nguyện này của chị L. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008 và cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của chị L về việc được tiếp tục nuôi 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/01/2018. Xét thấy, từ khi chị L và anh T ly thân đến nay cháu Đ đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Đối chiếu với quy định của pháp luật hiện tại cháu Đ đến ngày xét xử sơ thẩm mới được 01 năm 05 tháng 17 ngày tuổi. Do đó, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ và nhằm tránh làm sáo trộn sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ và theo quy định của pháp luật nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/01/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0011712, ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị L không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2/- Về con chung:

- Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/01/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Công nhận sự tự nguyện của chị L đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 17/9/2008, cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/9/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0011712, ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị L không phải nộp thêm.

5/- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký)*

**Trần Thanh Thảo**